

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- QUẢNG NGÃI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hả và bà Lê Thị Ngọc Phượng.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 226/2025/TLST-HNGĐ ngày 08-12-2025.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận của các đương sự giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Ngọc H; sinh năm: 1982. Địa chỉ: E L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Nơi ở hiện nay: Hẻm A đường N, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.(Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn Ngọc C; sinh năm: 1977. Địa chỉ: A L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Nơi ở hiện nay: Hẻm A đường N, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1979; địa chỉ: 1 đường L, phường H, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1990; địa chỉ: Landmark H, G đường Đ, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt và đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Tấn Ngọc C, chị Trương Thị Ngọc H đều thống nhất tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 117, tờ bản đồ số 14, có diện tích 236,5 m²; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 372132 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 02/7/2018 địa chỉ thửa đất tại tổ D, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi) mang tên ông Nguyễn Tấn Ngọc C. Giá trị tài sản đối với đất là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 với giá trị 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Tổng giá trị tài sản trong thời kỳ hôn nhân là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

2.2. Các đương sự anh Nguyễn Tấn Ngọc C, chị Trương Thị Ngọc H thoả thuận giải quyết toàn bộ vụ án với nội dung như sau:

- **Về phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung:** Ghi nhận sự thoả thuận của chị Trương Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tấn Ngọc C về việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thành hai phần bằng nhau (1.400.000.000 đồng /2). Chị Trương Thị Ngọc H nhận hiện vật, anh Nguyễn Tấn Ngọc C nhận giá trị tài sản chênh lệch sau khi khấu trừ khoản nợ chung. Cụ thể:

Sau khi khấu trừ số tiền nợ chung mà anh Nguyễn Tấn Ngọc C phải trả cho chị Trương Thị Ngọc H là 100.000.000 đồng thì Chị Trương Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán (thối lại) cho anh Nguyễn Tấn Ngọc C giá trị chênh lệch tài sản là 700.000.000 đồng – 100.000.000 đồng = 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Thời hạn thanh toán: Chị Trương Thị Ngọc H phải giao toàn bộ số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) cho anh Nguyễn Tấn Ngọc C vào ngày 30/7/2026.

- **Về quyền sở hữu, sử dụng tài sản sau khi phân chia:** Sau khi chị Trương Thị Ngọc H hoàn thành nghĩa vụ thanh toán số tiền 600.000.000 đồng cho anh Nguyễn Tấn Ngọc C: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 14 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 372132 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 02/7/2018 sẽ thuộc quyền sở hữu, sử dụng riêng hợp pháp của chị Trương Thị Ngọc H. Anh Nguyễn Tấn Ngọc C và chị Trương Thị Ngọc H không còn bất kỳ tranh chấp nào đối với tài sản này.

Chị Trương Thị Ngọc H được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động, cấp đổi hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2.3. **Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh Nguyễn Tấn Ngọc C, chị Trương Thị Ngọc H đồng ý thoả thuận, anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Phương U, sinh ngày 11/9/2010 đến khi cháu Phương U đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2025 đến tháng 8/2028 là 32 tháng với số tiền 3.000.000đ/tháng, hình thức cấp dưỡng một lần là 96.000.000đ (Chín mươi sáu triệu đồng chẵn), cấp dưỡng bằng phương thức mở sổ tiết kiệm cho cháu Nguyễn Phương

U, thời điểm mở sổ tiết kiệm mang tên cháu Nguyễn Phương U là ngày 30/7/2026 khi chị H thanh toán tiền chia tài sản chung cho anh C.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 30/7/2026, người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền nêu trên. Nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền hoặc chậm cấp dưỡng theo phương thức đã thỏa thuận thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên có nghĩa vụ còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả, chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; cụ thể: Đối với số tiền chia tài sản chung, nợ chung áp dụng khi anh Nguyễn Tấn Ngọc C có đơn yêu cầu thi hành án đối với chị Trương Thị Ngọc H; đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con áp dụng khi chị Trương Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án đối với anh Nguyễn Tấn Ngọc C."

Nội dung thỏa thuận trên các đương sự đều thống nhất không ai có ý kiến gì khác.

3. *Về chi phí tố tụng:* Căn cứ các Điều 156, 157 và 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Tiền chi phí tố tụng là 13.800.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng), số tiền này các đương sự phải chịu mỗi người 6.900.000 đồng nhưng chị Trương Thị Ngọc H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng, do đó anh Nguyễn Tấn Ngọc C phải trả lại cho chị Trương Thị Ngọc H số tiền 6.900.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

4. *Về án phí:* Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Nguyễn Tấn Ngọc C phải chịu 32.300.000 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con .

- Chị Trương Thị Ngọc H phải chịu án phí là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) nhưng được trừ số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí 27.300.000 đồng theo biên lai 0002779 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi nên chị Trương Thị Ngọc H còn phải nộp tiếp tiền án phí 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7-QN;
- Phòng THADS khu vực 7-QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Bình